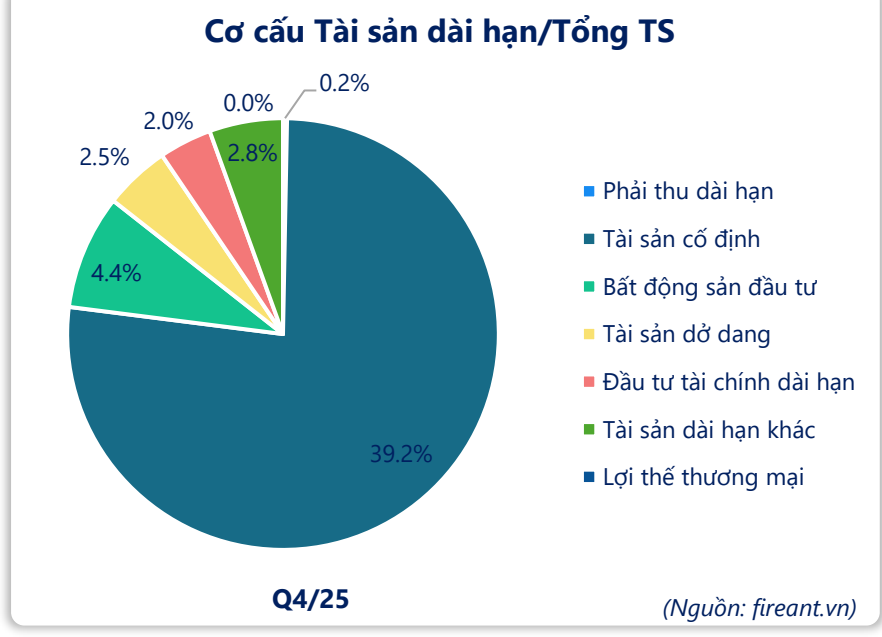
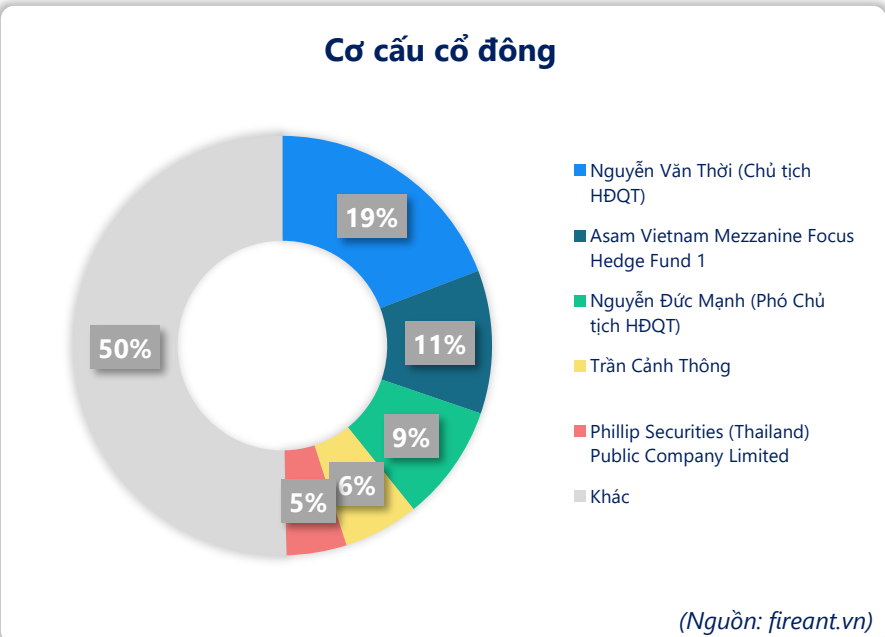
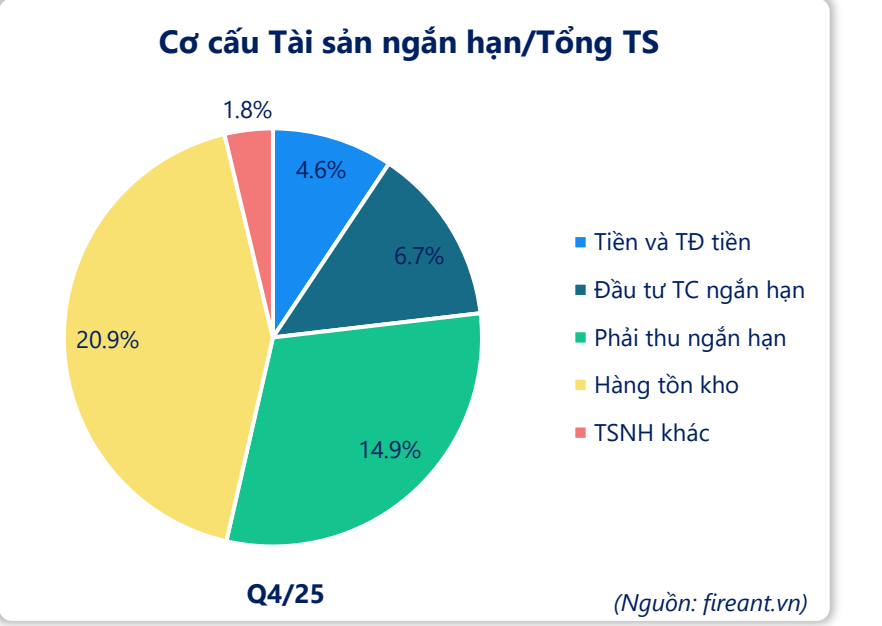
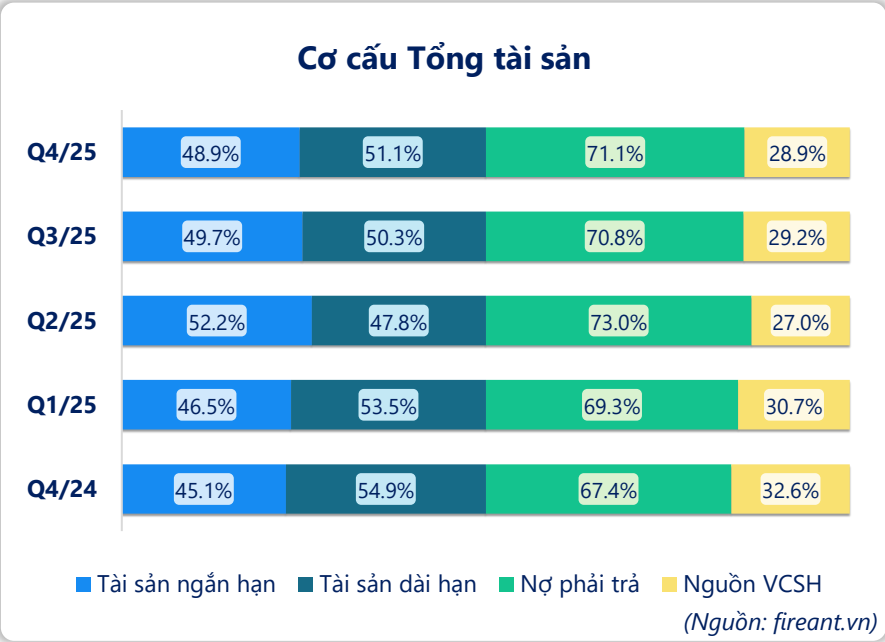
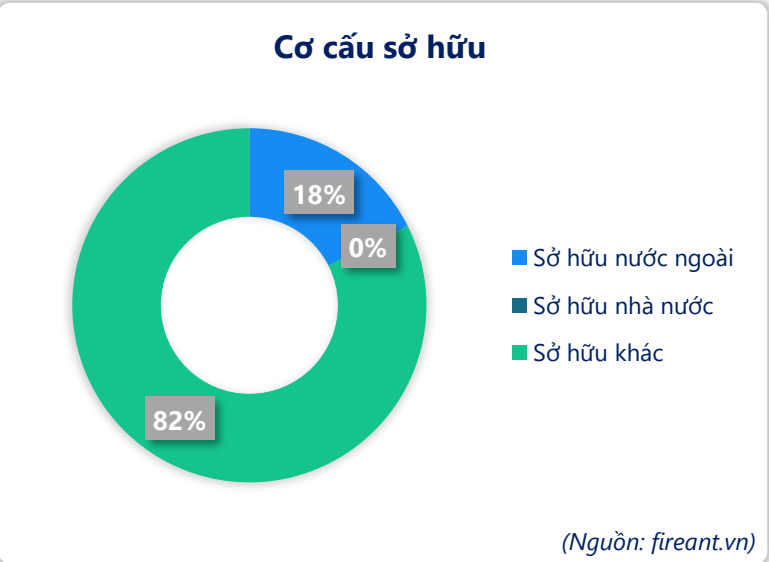
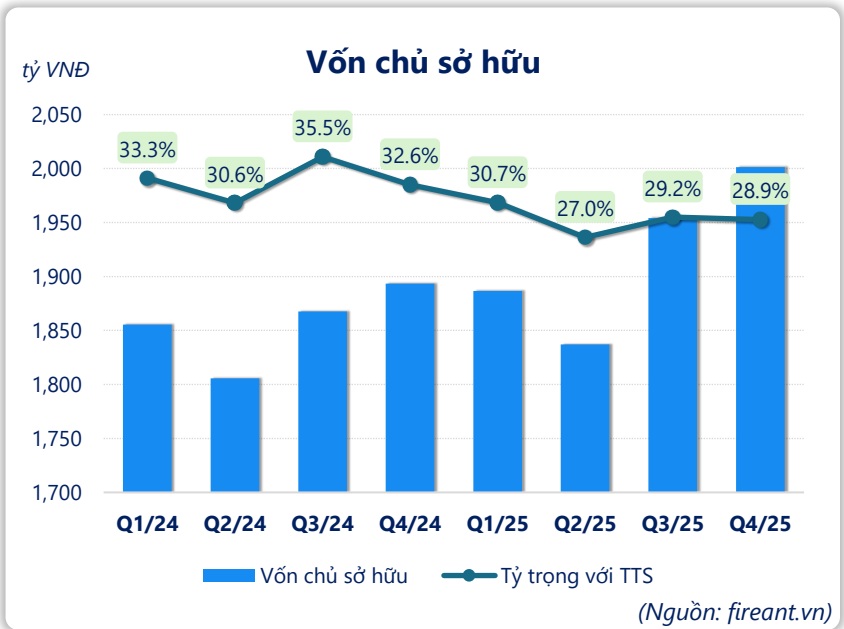
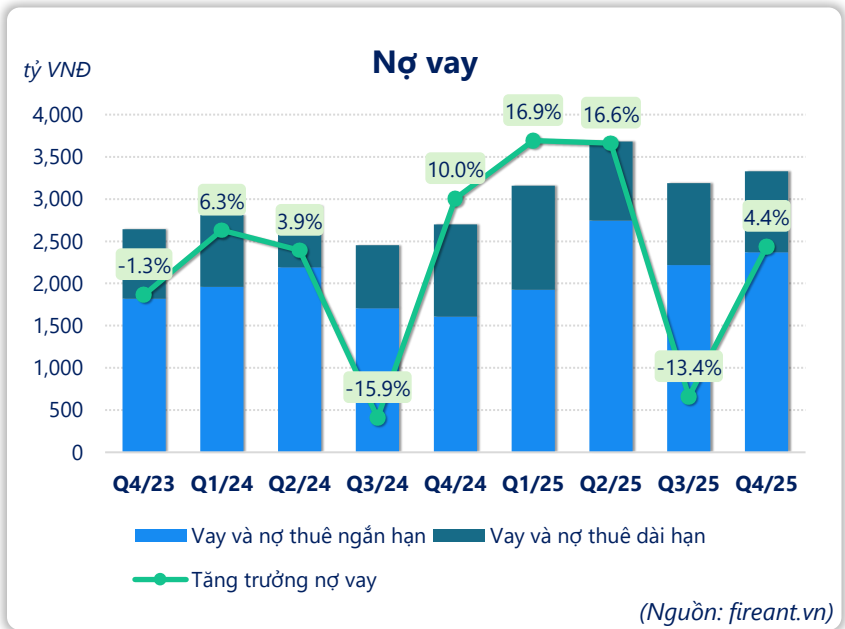
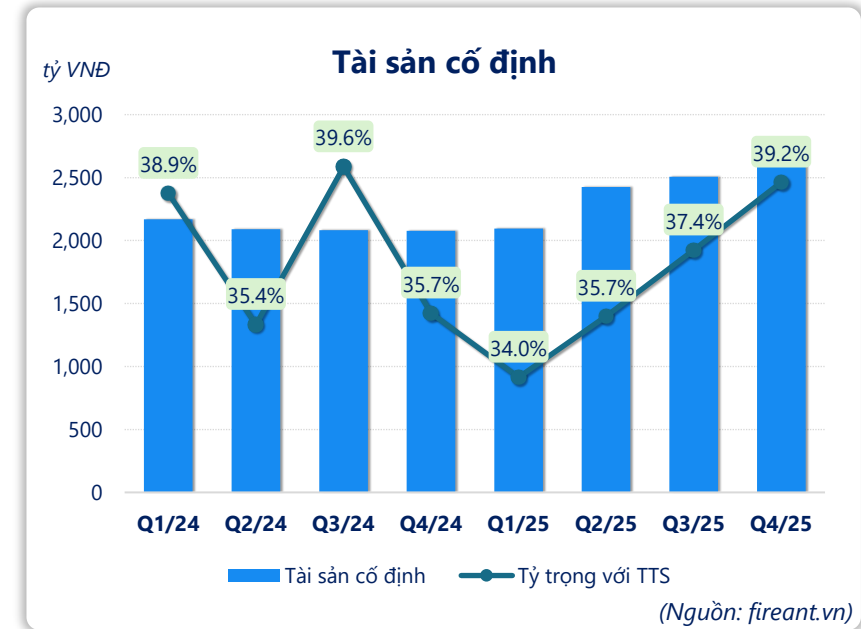
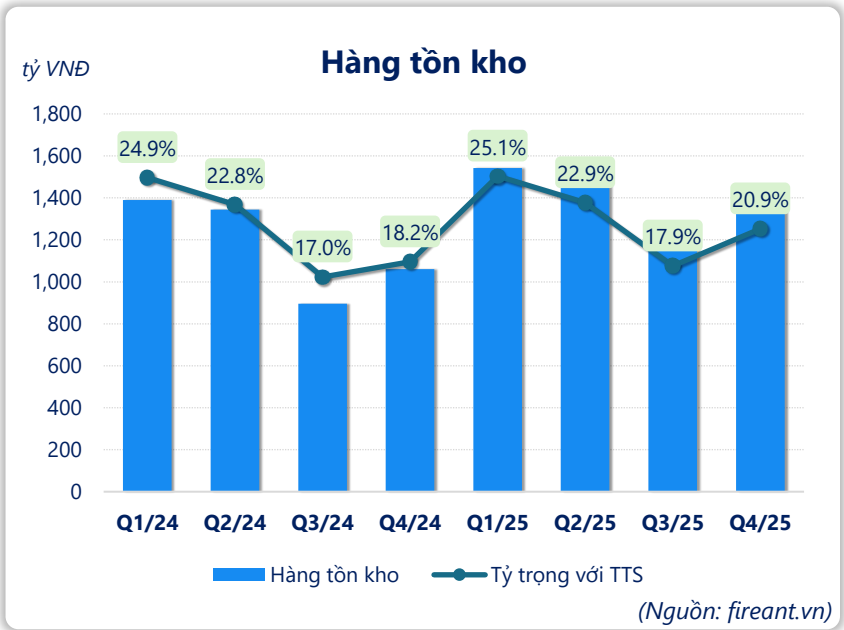
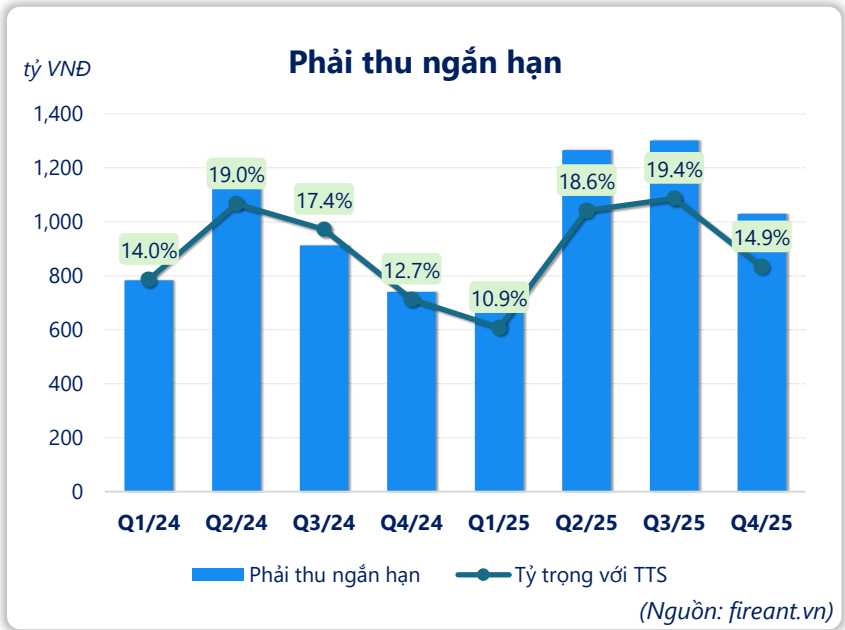
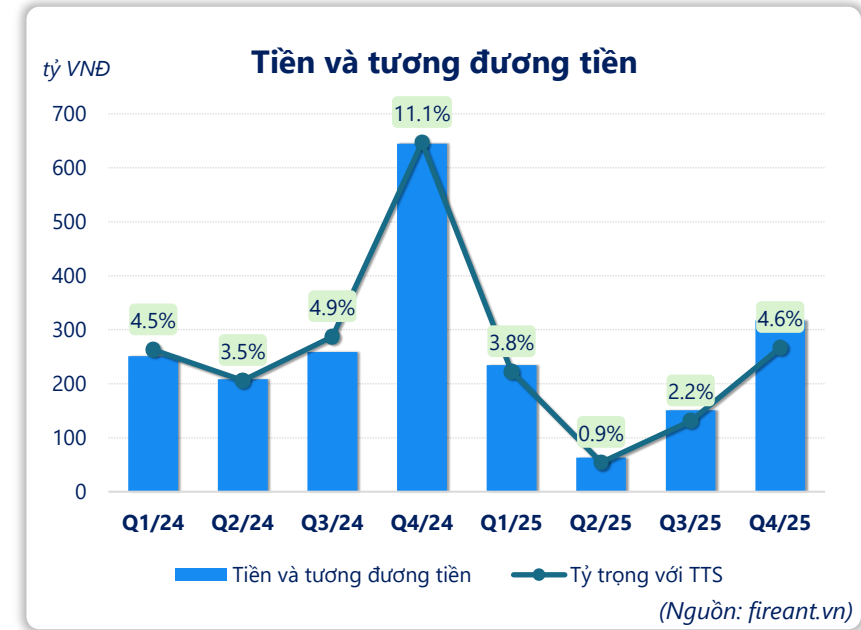
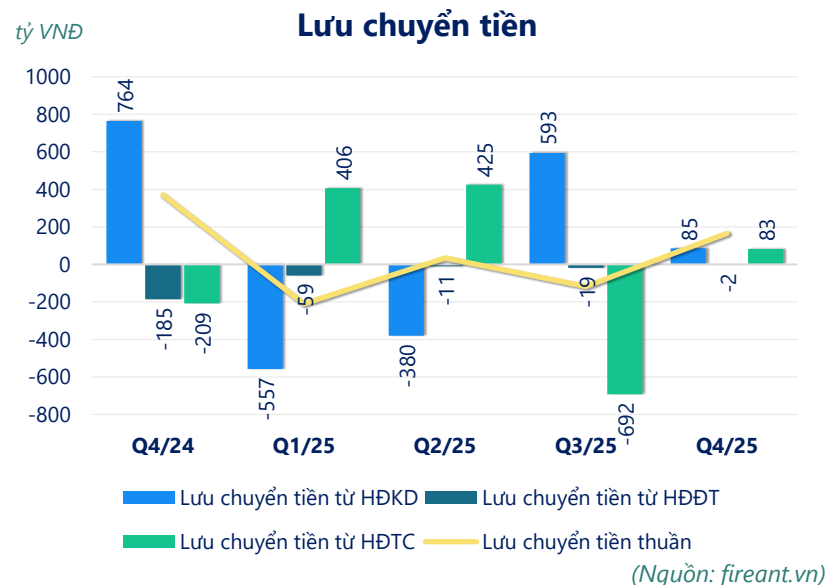
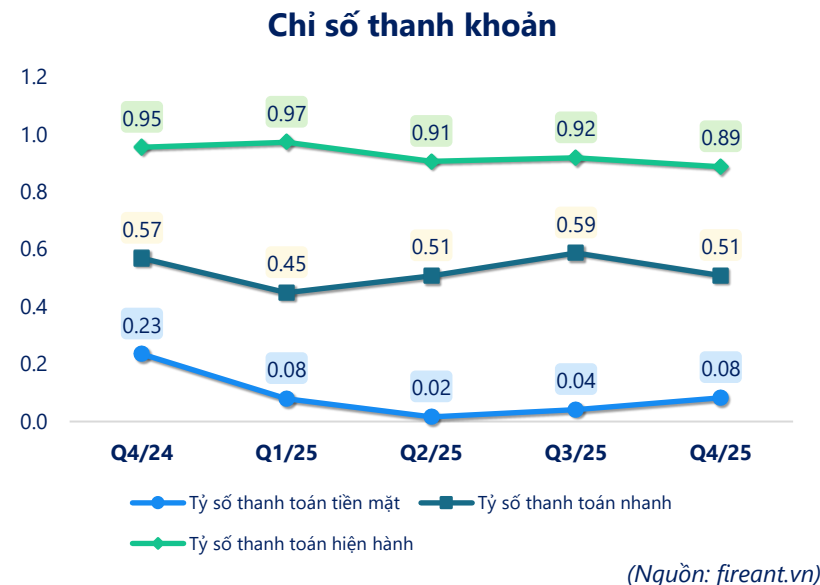
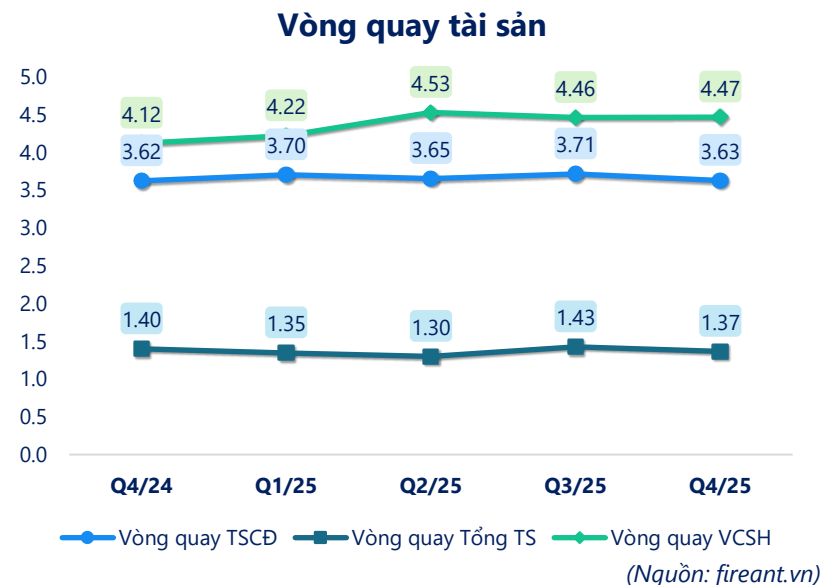
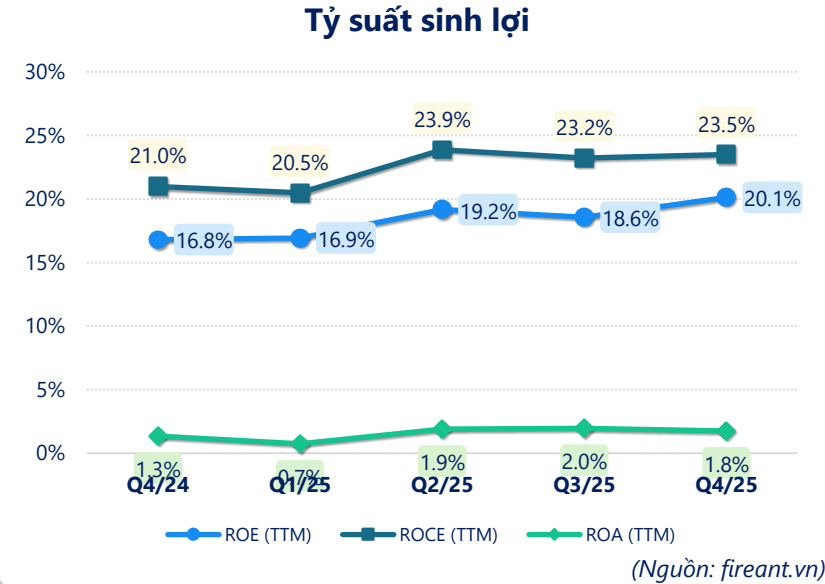
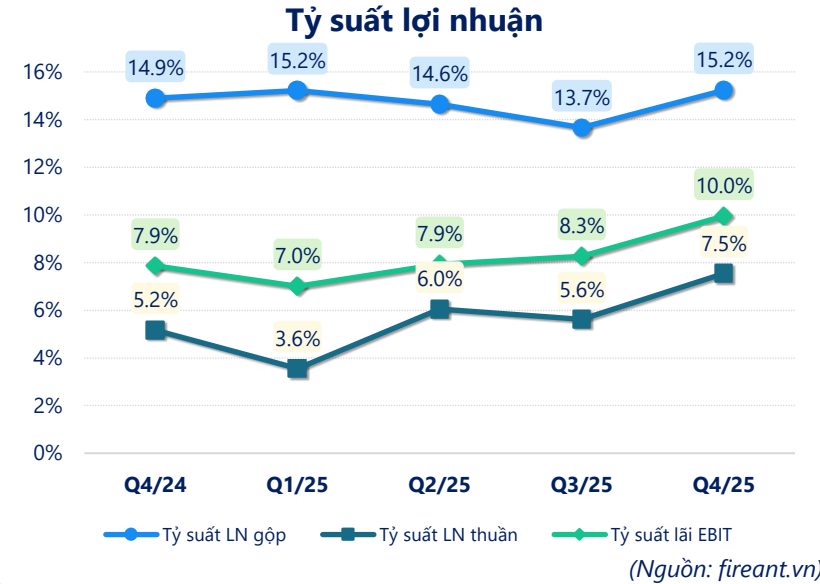
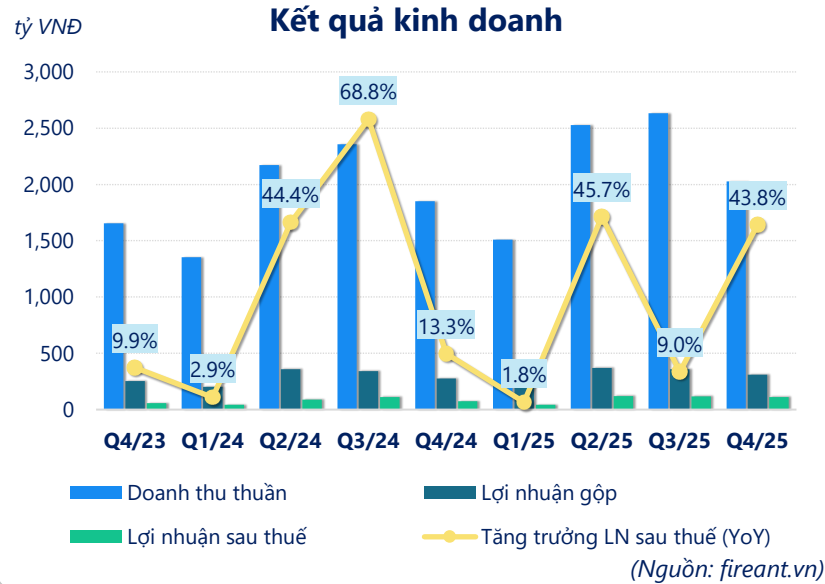


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		18,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		22,144
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,947
SL cổ phiếu LH		128,731,266
KLGD BQ 20 phiên (CP)		546,790
% sở hữu nước ngoài		17.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,343
P/E		6.0
EPS		3,045

	YTD	1T	3T	6T
TNG	-17.8%	-3.8%	-0.7%	-7.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,927	5,817	19.1%
Tài sản ngắn hạn	3,386	2,638	28.4%
Tiền và tương đương tiền	317	445	-28.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	467	260	79.4%
Phải thu ngắn hạn	1,030	740	39.2%
Hàng tồn kho	1,446	1,074	34.5%
Tài sản ngắn hạn khác	126	118	6.6%
Tài sản dài hạn	3,541	3,179	11.4%
Phải thu dài hạn	10.7	10.7	0.0%
Tài sản cố định	2,716	2,117	28.3%
Bất động sản đầu tư	304	300	1.3%
Tài sản dở dang	174	459	-62.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	140	140	0.0%
Tài sản dài hạn khác	195	152	28.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,925	3,924	25.5%
Nợ ngắn hạn	3,818	2,751	38.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,371	1,607	47.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	862	777	11.0%
Nợ dài hạn	1,107	1,173	-5.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	956	1,093	-12.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,001	1,892	5.8%
Vốn chủ sở hữu	2,001	1,892	5.8%
Vốn điều lệ	1,287	1,226	5.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,852	1,511	2,528	2,633	2,027
Giá vốn hàng bán	1,576	1,281	2,158	2,273	1,719
Lợi nhuận gộp	276	230	370	360	309
Doanh thu HĐTC	35.1	23.0	30.0	35.5	28.1
Chi phí TC	89.3	78.7	94.7	75.4	72.8
Chi phí lãi vay	55.0	52.4	50.4	71.3	67.4
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	21.7	14.6	28.8	34.9	23.3
Chi phí QLDN	104	106	124	137	87.9
LN thuần từ HĐKD	95.6	53.7	153	148	153
Lợi nhuận khác	-5.16	-0.20	-2.91	-1.51	-18.5
LN trước thuế	90.4	53.5	150	146	134
Lợi nhuận sau thuế	74.6	43.3	120	117	112
LNST của CĐ cty mẹ	74.6	43.3	120	117	112

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	764	-557	-380	593	84.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-185	-59.4	-10.5	-18.9	-1.75
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-209	406	425	-692	82.7
Tiền đầu kỳ	259	445	234	268	151
Lưu chuyển tiền thuần	370	-210	33.7	-118	166
Ảnh hưởng tỷ giá	0.28	0	0.09	0	0.85
Tiền cuối kỳ	645	234	268	151	317

(Nguồn: fireant.vn)